

Số: 14/2025/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

Căn cứ khoản 3, Điều 26; 35; Điều 147; khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 166, 278, 280, 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 151/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Xuân T, sinh năm 1989 và bà Võ Thị H, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Nay là phường G, tỉnh Thái Nguyên).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Liên H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Liên H1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hằng S tiền là 89.000.000 đồng (T1 *mười chín triệu đồng*) và trả cho ông Võ Xuân T số tiền là 308.711.000 đồng (Ba trăm linh tám triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng).

1.2 Về án phí: - Bà Nguyễn Thị Liên H1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.942.000 đồng (Chín triệu, chín trăm bốn hai nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Võ Xuân T là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo biên lai thu số 0001161 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên (Nay là phòng Thi hành án

dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông T, bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1 không thi hành được khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 1 - TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Duy Chính